

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2022/DS-PT

Ngày: 20 – 5 – 2022

V/v tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Kiều

Các Thẩm phán: Bà Châu Minh Nguyệt

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Minh Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 23/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp đòi quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2021/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 123/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 04 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1970. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình L, xã Vĩnh L, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1949

Địa chỉ: Ấp Bình L, xã Vĩnh L, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn L: Ông Trần Quốc Bảo, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp Phước Hòa, xã Lộc Ninh, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Lộc: Ông Phạm Hữu Hoàng là Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH MTV Tín Hoàng. (Có mặt khi xét xử và vắng mặt khi tuyên án)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ D, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp Bình L, xã Vĩnh L, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L. (Có mặt)

2. Bà Huỳnh Thị Đ, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp Bình L, xã Vĩnh L, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L. (vắng mặt)

3. Ủy ban nhân dân huyện Hồng D. Trụ sở: Ấp N, thị trấn Nag D, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hồng D. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn C – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Hồng D. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Văn K, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Mỹ D thống nhất trình bày:

Nguồn gốc đất là của cụ Nguyễn Ngọc Đ và cụ Sử Thị H cho lại cha mẹ ông là ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị L phần diện tích 474,0m² thửa 35 tờ bản đồ số 6, không có giấy tặng cho. Khoảng 03 năm trước ông L tự ý mang trụ đá đến phần đất trên cặm, gia đình ông K không có ở nhà do đó ông K không đồng ý nên trụ đá cặm tại thời điểm trên không có trị phân ranh. Đối với diện tích 285,0m² thửa 43, tờ bản đồ số 6 trước đây là một miếng đất lớn bao gồm cả diện tích này, năm 1979 bà ngoại ông tức là cụ H bán cho cha mẹ ông với giá 200.000 đồng, việc mua bán có làm giấy. Năm 1999, cha mẹ ông và ông Nguyễn Văn L đăng ký kê khai phần đất thực tế hai bên sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng một đợt và đến năm 2019, cha ông chuyển tên quyền sử dụng đất cho ông. Đến năm 2020, vợ chồng ông cho xáng cuốc vào cuộc thửa số 02 thì ông L và bà Đ ngăn cản.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông L, bà Đ trả lại hai phần đất qua đo đạc thực tế gồm: thửa 01 diện tích 474,0m² nằm trong thửa 35 tờ bản đồ số 6 và thửa 02 diện tích 285,0m² nằm trong thửa 43, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Bình L, xã Vĩnh L A, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L.

Bị đơn ông Nguyễn Văn L và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị Đ thống nhất trình bày: Diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc từ cụ Nguyễn Ngọc Đ và cụ Sử Thị H để lại cho ông vì ông là con út. Ông K cũng có phần đất giáp ranh với đất ông là do ông đứng ra cho anh rể là Nguyễn Văn X và chị ruột là Nguyễn Thị L vào khoảng năm 1979. Phần đất này hiện nay ông X và bà L cho lại ông Nguyễn Văn K, phần đất phân ranh giữa hai bên bằng trụ đá nhưng hiện nay vẫn còn chỗ nên thửa 01 diện tích 474,0m² nằm trong thửa 35 tờ bản đồ số 6 này vẫn là đất của ông. Đối với thửa số 02 diện tích 285,0m² thửa 43, tờ bản đồ số 6 trước đây là một miếng đất lớn. Năm 1979 ông đứng bán cho ông X và bà L với giá 200.000 đồng. Tuy nhiên, ông có chừa lại nền chòi chính là diện tích đang tranh chấp thửa số 02 cho nên thửa 02 này vẫn là đất của ông. Việc tặng cho không có làm giấy còn việc sang bán đất thì có làm giấy tay nhưng quá lâu nên đã bị thất

lạc. Năm 1999, ông và ông X đăng ký kê khai phần đất thực tế mà hai bên sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng một đợt. Đến năm 2019, ông K có đến gặp ông xin mua luôn thửa đất số 02 này nhưng ông không đồng ý bán. Gia đình ông K thừa nhận đất này của ông nên mới xin mua, khi ông không bán thì ông X lại âm thầm chuyển giấy chứng nhận cho con là ông K đứng tên. Năm 2020, ông K cho xáng vào cuộc thửa số 02 ông ngăn cản nên ông K thừa ra chính quyền đến nay.

Nay ông K yêu cầu vợ chồng ông trả lại hai phần đất qua đo đạc thực tế gồm, thửa 01 diện tích 474,0m² nằm trong thửa 35 tờ bản đồ số 6 và thửa 02 diện tích 285,0m² nằm trong thửa 43, tờ bản đồ số 6, tọa lạc tại ấp Bình L, xã Vĩnh L, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L vợ chồng ông không đồng ý.

Người đại diện theo ủy quyền Ủy ban nhân dân huyện Hồng D ông Nguyễn Văn C trình bày: Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn X năm 1999 là đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật về đất đai.

Từ những phân tích trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 26/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc L, quyết định.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K:

Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Mỹ D hai phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 474,0m² thửa 35 tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp Bình L, xã Vĩnh L, huyện Hồng D, tỉnh Bạc L có vị trí kích thước:

- + Hướng đông giáp phần đất ông Nguyễn Văn L, có cạnh dài 13,80m
- + Hướng tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn Đ, có cạnh dài 13,80m
- + Hướng nam giáp phần đất ông Nguyễn Văn K, có cạnh dài 34,20m
- + Hướng bắc giáp phần đất ông Nguyễn Văn K, có cạnh dài 34,20m

Theo hồ sơ địa chính xã Vĩnh L thành lập năm 2009: Nằm trong thửa 35, tờ bản đồ số 6, do ông Nguyễn Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Và phần đất qua đo đạc thực tế diện tích 285,0m² thửa 43, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp Bình Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu có vị trí kích thước:

- + Hướng đông giáp phần đất ông Nguyễn Văn L, có cạnh dài 89,4m
- + Hướng tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn K, có cạnh dài 89,40m
- + Hướng nam giáp sông Cái L, có cạnh dài 3,4m
- + Hướng bắc giáp đường bê tông, có cạnh dài 3,5m

Theo hồ sơ địa chính xã Vĩnh L thành lập năm 2009: Nằm trong thửa 43, tờ bản đồ số 6, do ông Nguyễn Văn K đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trên đất có 02 cây dừa đã lão hóa (không còn giá trị).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

Ngày 30 tháng 11 năm 2021 nguyên đơn ông Nguyễn Văn L kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng D, tỉnh Bạc L, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét toàn bộ Bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn, Luật sư Phạm Hữu Hoàng trình bày: Quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm chưa làm rõ các thửa đất, chưa được xác định diện tích tại các thửa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông X lý do vì sao tăng, diện tích đất này do ông L quản lý sử dụng; Chưa làm rõ mâu thuẫn lời khai của các bên, mâu thuẫn này làm ảnh hưởng đến kết quả giải quyết vụ án. Phần đất tại thửa 43 có diện tích 285,0m² ông X cho rằng chuyển nhượng của cụ H nhưng ông L cho rằng ông L chuyển nhượng, các bên xác định chuyển nhượng nhưng không có căn cứ chứng minh Tòa sơ thẩm chưa xem xét. Quá trình xét xử Tòa án xác định nghĩa vụ chứng minh của đương sự không đúng theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông X không đo đạc, không ai ký giáp ranh là không đúng. Tòa án không đưa những người thừa kế của cụ H và cụ Đ tham gia tố tụng là thiếu sót. Từ những lý do trên, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông L giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 50/2021/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L trong thời hạn luật định, nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ vắng mặt không có lý do, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn L, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Đối với diện tích đất 474,0 m² thửa 35 tờ bản đồ số 6 ông K và ông L cùng xác định của cụ Đ, cụ H. Ông K cho rằng phần đất này bà ngoại ông cho lại cha mẹ ông và việc cho không làm giấy, sau đó cha mẹ ông cho lại ông. Còn ông L thì cho rằng ông là con út nên được hưởng phần đất này từ cha mẹ, diện tích đất ông K yêu cầu ông trả là diện tích ông L cho cha mẹ ông K vào khoảng năm 1979, cho không làm giấy và phần ranh đất giữa đất ông và ông K bằng trụ đá. Ông K không thừa nhận việc cặm ranh của các bên như ông L trình bày, vì ông L tự ý cặm ranh không có sự chứng kiến của ông. Mặt khác, ông L, ông K đều xác định ông L, ông X kê khai phần đất đang sử dụng và được cấp giấy chứng nhận cùng thời điểm, đến năm 2019 ông X, bà L tặng cho lại ông K và hiện tại phần đất ông K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cơ quan chuyên môn xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn K là đúng quy định pháp luật nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông K đòi ông Nguyễn Văn L giao trả phần đất có diện tích 474,0m² thửa 35 tờ bản đồ số 6 là có căn cứ.

[2.2] Đối với diện tích đất 285,0m² thửa 43 tờ bản đồ số 6, ông Khen cho rằng cha mẹ ông chuyển nhượng của cụ Đ, cụ H vào năm 1979 với giá 200.000 đồng có làm giấy; Ông L lại xác định ông là người chuyển nhượng phần đất cho cha mẹ ông K với giá 200.000 đồng có làm giấy nhưng bị thất lạc, khi chuyển nhượng đất ông có chừa lại cái nền chòi chính là diện tích đang tranh chấp hiện nay. Tuy nhiên, ông L không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh ông chuyển nhượng đất và chừa lại phần đất này, do giấy chuyển nhượng đất không còn nên cũng không có căn cứ xác định phần đất tranh chấp là đất ông còn chừa lại. Trong khi, ông L thừa nhận ông và ông Nguyễn Văn X cha ông K đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng năm 1999. Đến năm 2019 ông Nguyễn Văn X được cấp đổi sang bản đồ chính quy và tặng cho lại anh Nguyễn Văn K. Cơ quan chuyên môn xác định việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn X năm 1999, việc cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn X năm 2019 và việc tặng cho quyền sử dụng đất cho anh Nguyễn Văn K là đúng trình tự thủ tục quy định của pháp luật nên cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông K đòi ông L trả diện tích qua đo đạc thực tế diện tích 285,0m² thửa 43, tờ bản đồ số 6 là có căn cứ.

[2.3] Tài sản trên đất tranh chấp có 02 cây dừa, trong suốt quá trình giải quyết vụ án các đương sự thống nhất đất thuộc về ai thì người đó được hưởng 02 cây dừa này. Như nhận định, có căn cứ xác định đất của ông K nên ông Nguyễn Văn K được tiếp tục sở hữu tài sản này.

[2.4] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng khi xét xử Tòa án không đưa những người thừa kế của cụ Đ, cụ H vào tham gia tố tụng là thiếu sót. Xét thấy các bên đương sự thống nhất xác định nguồn gốc đất của cụ Đ và cụ H khi còn sống các cụ đã phân chia cho các con và những người được phân chia đã sử dụng ổn định không ai có yêu cầu gì; đồng thời cả nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất xác định tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất chứ không yêu cầu giải quyết thừa kế. Ngoài ra, khi được phân chia đất các bên

đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, Tòa cấp sơ thẩm không đưa những người con của các cụ Đ, cụ H tham gia tố tụng là phù hợp.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L; không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông L; có căn cứ chấp nhận lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 50/2021/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do ông Nguyễn Văn L là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Do đó, căn cứ điểm đ Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho ông Nguyễn Văn L.

Các phần khác của Bản án không kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn L. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 50/2021/DS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 100, 167, 188, 203 Luật đất đai 2013;

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn K.

2. Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Đ có nghĩa vụ giao trả cho ông Nguyễn Văn K và bà Nguyễn Thị Mỹ D hai phần đất như sau:

* Phần đất thứ nhất: Diện tích 474,0m² thửa 35 tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp Bình Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu do ông Nguyễn Văn Khen đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có sổ đo các cạnh như sau:

- + Hướng đông giáp phần đất ông Nguyễn Văn Lộc, có cạnh dài 13,80m
- + Hướng tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn Đồng, có cạnh dài 13,80m
- + Hướng nam giáp phần đất ông Nguyễn Văn Khen, có cạnh dài 34,20m
- + Hướng bắc giáp phần đất ông Nguyễn Văn Khen, có cạnh dài 34,20m

* Phần đất thứ hai: Diện tích 285,0m² thửa 43, tờ bản đồ số 6 tọa lạc tại ấp Bình Lộc, xã Vĩnh Lộc A, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu do ông Nguyễn Văn Khen đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, có sổ đo các cạnh như sau:

- + Hướng đông giáp phần đất ông Nguyễn Văn Lộc, có cạnh dài 89,4m
- + Hướng tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn Khen, có cạnh dài 89,40m
- + Hướng nam giáp sông Cái Lớn, có cạnh dài 3,4m
- + Hướng bắc giáp đường bê tông, có cạnh dài 3,5m

3. Tài sản trên đất: Ông Nguyễn Văn K được quyền sở hữu 02 cây dừa trên phần đất được giao trả.

4. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Đ phải chịu toàn bộ, ông K không phải chịu. Ông Nguyễn Văn K đã tạm nộp số tiền 2.760.000 đồng, đã chi phí hết. Buộc ông Nguyễn Văn L, bà Huỳnh Thị Đ nộp 2.760.000 đồng để giao trả lại cho ông Nguyễn Văn K.

5. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn L và bà Huỳnh Thị Đ được miễn toàn bộ án phí. Ông Nguyễn Văn K không phải chịu án phí, ông Khen đã dự nộp số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005815 ngày 20/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu được hoàn lại.

- Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn L được miễn nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Hồng Dân;
- CCTHADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lệ Kiều

